

Bản án số: 108/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lê Thị Minh Khánh

2. Ông Hoàng Văn Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn An Ninh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 17 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 về ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Lê Thị N, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Tân T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang xuất khẩu lao động ở Đài Loan).

**- Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn Q:** Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1951; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn là chị Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:Chị và anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau ngày 03/4/2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chị và anh Q có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có được sự đồng ý của 02 bên gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau cùng bố mẹ chồng là ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị L địa chỉ ở thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng sinh sống cùng bố mẹ chồng được khoảng 01 năm thì vợ chồng ra ở riêng, tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2015 anh Q làm thủ tục đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, thời gian đầu anh Q có hay gọi điện về hỏi thăm chị và các con. Đến cuối năm 2017 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, mỗi lần anh Q điện thoại về thì vợ chồng xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được 02 bên hòa giải nhưng không có kết quả. Đến năm 2019, khi anh Q có về thăm gia đình, nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không hòa giải được. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày một trầm trọng hơn. Đến nay vợ chồng đã không thể tìm được tiếng nói chung, không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc gì tới nhau nữa. Nay chị nhận thấy việc tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Q không những không mang lại hạnh phúc mà còn làm khổ nhau hơn, tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Phú C, sinh ngày 26/11/2006 và cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 18/7/2013. Hiện nay 02 con chung vẫn đang ở với chị do chị chăm sóc và nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho chị nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng.

*Tại bản tự khai, giấy ủy quyền ngày 16/7/2021(có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Loan), bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2006 anh và chị Lê Thị N đăng ký kết hôn đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được sự đồng ý của 02 bên gia đình. Đến năm 2015 anh đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N có mối quan hệ với người đàn ông khác, anh cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng chị N vẫn không nghe, không sửa chữa mọi sự khuyên giải của anh đều không có kết quả. Cuộc sống vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay, anh đang lao động ở Đài Loan do tình hình dịch bệnh phức tạp nên anh không về giải quyết được, anh đề nghị Tòa án không tiến hành giải quyết ly hôn giữa anh và chị N, anh cũng không đồng ý việc ly hôn này, khi nào dịch bệnh thuyên giảm, anh có thể về nước được, khi đó sẽ có văn bản ý kiến về việc giải quyết ly hôn tới Tòa án sau.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là cháu Nguyễn Phú C, sinh ngày 26/11/2006 và cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 18/7/2013, anh không đồng ý việc chị N nhận nuôi hai con chung, anh yêu cầu sau này việc ly hôn của anh và chị N diễn ra anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi hai con.

Về tài sản chung, công nợ: Trong đơn yêu cầu chị N không yêu cầu, nên anh không có ý kiến gì.

Ngoài ra, anh Q còn trình bày: hiện nay do anh đang lao động tại Đài Loan nên anh làm văn bản ủy quyền cho bố để anh là ông Nguyễn Văn M là người đại diện thay mặt anh ở Việt Nam được quyền nộp và nhận các giấy tờ, tài liệu do Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang gửi tổng đạt cũng như thay mặt anh nêu ý kiến của anh về việc xin ly hôn giữa anh và chị N.

Tại biên bản làm việc ngày 28/6/2021, ông Nguyễn Văn M là bố để anh Nguyễn Văn Q, trình bày: Anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị N kết hôn ngày 03/4/2006 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có được sự đồng ý của 02 bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn chị N đã về gia đình nhà ông làm dâu ngay. Đến năm 2015 do hoàn cảnh kinh tế, anh Q đã làm thủ tục đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Đến năm 2020 anh Q có về nước để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, nhưng không có kết quả. Nguyên nhân mâu thuẫn là có dư luận chị N có quan hệ với người đàn ông khác vì nguyên nhân này vợ chồng cũng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông cũng biết vợ chồng anh Q và chị N cũng đã cắt đứt quan hệ, không có quan hệ tình cảm. Hiện nay, chị N không còn sinh sống ở gia đình ông mà đang sinh sống tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Việc chị N có đơn xin ly hôn anh Q, đây là việc của 02 vợ chồng gia đình ông cũng không có ý kiến gì do vợ chồng tự quyết định. Hiện nay, anh Q đang lao động ở Đài Loan, gia đình ông và anh Q vẫn thường xuyên liên lạc với anh Q qua điện thoại, gia đình cũng đã báo cho anh Q biết chị N có đơn xin ly hôn anh Q, ý kiến của anh Q là chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Ngoài ra ông M đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Q và ông, bà được nuôi hai con chung của anh Q chị N, cháu C hiện nay ở với cô ruột. Trong thời gian hai cháu ở cùng ông bà chị N có chu cấp hay không tùy vào trách nhiệm của chị N.

*Tại biên bản ghi lời khai ngày 28/6/2021 cháu Nguyễn Phú C trình bày:* Cháu có nguyện vọng ở với bố nếu bố mẹ cháu ly hôn.

*Cháu Nguyễn Trung K trình bày:* Cháu có nguyện vọng ở với mẹ cháu nếu bố mẹ cháu ly hôn.

*Tại phiên tòa:* Chị Lê Thị N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02, nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Lê Thị N; Biên bản làm việc với ông Nguyễn Văn M là bố để anh Nguyễn Văn Q, bản tự khai của anh Q và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn chị Lê Thị

N có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Nguyễn Văn Q đã được giao văn bản tố tụng thông qua ông Nguyễn Văn M là bố đẻ anh Nguyễn Văn Q; Căn cứ vào quy định của pháp luật xét xử vắng mặt anh Q là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và khoản 2 Điều 123, điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 238, Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N. Xử cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phú C, sinh ngày 26/11/2006 cho anh Nguyễn Văn Q nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 18/7/2013 cho chị Lê Thị N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí, chị Lê Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]. Về thủ tục tố tụng:** Chị Lê Thị N là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Lê Thị N.

Đối với bị đơn Nguyễn Văn Q vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành làm việc với bố đẻ anh Q là ông Nguyễn Văn M để giao thông báo thụ lý vụ án, anh Q có văn bản trình bày gửi qua bưu điện (có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đại Bắc) ủy quyền cho bố đẻ là ông Nguyễn Văn M nhận các giấy tờ tổng đạt của Tòa án. Tòa án đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa thông qua ông M. Như vậy, anh Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Nên căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn Q.

**[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp:**Chị Lê Thị N là nguyên đơn có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn Q, bị đơn anh Q hiện đang lao động tại nước ngoài. Như vậy, đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, bị đơn anh Nguyễn Văn Q ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[3].Về quan hệ Hôn nhân:** Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn Q kết hôn ngày 03/4/2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L tỉnh Bắc Giang. Sau

khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Năm 2015 anh Q đi xuất khẩu lao động, một thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, năm 2019 anh Q về nước nhưng mâu thuẫn vợ chồng hòa giải không được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị N đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh Q.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị N yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q. Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau cùng gia đình nhà chồng ở thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng sinh sống cùng bố mẹ chồng được khoảng 01 năm thì vợ chồng ra ở riêng, tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đến năm 2015 anh Q làm thủ tục đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, thời gian đầu anh Q có hay gọi điện về hỏi thăm chị và các con. Đến cuối năm 2017 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, mỗi lần anh Q điện thoại về thì vợ chồng xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được 02 bên hòa giải nhưng không có kết quả. Đến năm 2018, khi anh Q có về thăm gia đình, nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không hòa giải được. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày một trầm trọng hơn đến nay vợ chồng đã không thể tìm được tiếng nói chung, không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc gì tới nhau nữa. Nay chị nhận thấy việc tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Q không những không mang lại hạnh phúc mà còn làm khổ nhau hơn, tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Q. Mặc dù tại bản tự khai gửi Tòa án anh không đồng ý ly hôn và đề nghị khi nào anh về Việt Nam thì giải quyết. Tuy nhiên, anh Q cũng đã xác nhận từ khi xảy ra chuyện cho tới thời điểm hiện tại cuộc sống hôn nhân vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh Q.

**[4]. Về nuôi con chung:** Chị N và anh Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Phú C, sinh ngày 26/11/2006 và cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 18/7/2013. Anh Q và chị N đều có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị N, anh Q. Hội đồng xét xử thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án anh Q đang ở nước ngoài, không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Con chung từ khi anh Q đi lao động nước ngoài vẫn do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, các con phát triển bình thường và được đi học đầy đủ. Mặc dù cháu Nguyễn Phú C trên bảy tuổi có đơn trình bày được ở với bố. Cháu K trên bảy tuổi có nguyện vọng ở với mẹ. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt con chung. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Giao con chung cháu Nguyễn Phú C, sinh ngày 26/11/2006 và cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 18/7/2013 cho chị Lê Thị N là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp điều kiện thực tế. Anh Q không trực tiếp nuôi

con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Trường hợp anh Nguyễn Văn Q về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, anh Q có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình..

**[5]. Về tài sản, công nợ:**Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu nên không xem xét.

**[6]. Về án phí:** Chị Lê Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

**[7]. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

**1. Về hôn nhân:**Cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

**2. Về nuôi con chung:** Giao cháu Nguyễn Phú C, sinh ngày 26/11/2006, cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 18/7/2013 cho chị Lê Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn Q là người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

**3. Về tài sản chung và công nợ chung:** Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Lê Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000056

ngày 12/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo bản án:** Chị Lê Thị N vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Nguyễn Văn Q hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, huyện L;
- Công thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Hoàng Thị Thu Hiền**









